UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4250 /BC-SNNMT

Điện Biên, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản tháng 09 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Văn bản số 8174/BNN-CBTTNS ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc cử đầu mối triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ công tác chế biến và phát triển thị trường nông sản. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên báo cáo tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản tháng 09 năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Tình hình sản xuất, chế biến và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản

1.1. Cây lương thực, thực phẩm

1.1.1. Lúa, gạo

Vụ lúa Đông Xuân năm 2024-2025: toàn tỉnh gieo cấy 9.763,24 ha, giảm gần 60 ha so với vụ Đông Xuân 2023-2024, giảm hơn 150 ha so với vụ Đông Xuân 2022-2023; năng suất thu hoạch đạt 61,09 tạ/ ha, sản lượng thu hoạch đạt 59.642,01 tấn. Luỹ kế đến thời điểm báo cáo, diện tích gieo cấy lúa mùa đạt 43.698,73 ha, giảm 2,42% so với CKNT, đạt 96,58% kế hoạch, diện tích thu hoạch 240 ha, năng suất thu hoạch đạt 61,52 tạ/ ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 1.476,48 tấn.

Diễn biến giá thóc, gạo: Trong tháng 9, giá thóc, gạo tiếp tục ở mức ổn định so với các tháng trước do nhu cầu mua sắm của du khách thập phương và nhân dân địa phương trên thị trường và nguồn cung tương đối ổn định, không có biến động lớn. Cụ thể:

- Giá bán lẻ các loại thóc: Thóc tẻ thường 10.000-12.000đ/ kg; Thóc tẻ ngon 13.000-15.000đ/ kg; Thóc nếp nương 18.000-20.000đ/ kg.

- Giá bán lẻ các loại gạo: Gạo tẻ thường dao động khoảng 16.000-17.000đ/ kg; Gạo tẻ ngon 22.000-30.000đ/ kg; Gạo Nếp nương dao động khoảng 35.000-40.000đ/ kg.

Dự báo: Trong thời gian tới giá thóc, gạo có xu hướng ổn định do nguồn cung và nhu cầu thị trường ổn định.

1.1.2. Rau màu

Luỹ kế đến thời điểm báo cáo, tổng diện tích rau màu gieo trồng trên địa bàn tỉnh đạt 4.814,99 ha, diện tích thu hoạch đạt 3.566,19 ha, sản lượng rau ước đạt 65.957,11 tấn. Cụ thể trong tháng 9, diện tích gieo trồng đạt 764,22 ha, diện tích thu hoạch đạt 430,25 ha, sản lượng ước đạt 8.045,03 tấn.

Diễn biến giá cả: Trong tháng 9, thời tiết trên địa bàn tỉnh thuận lợi hơn trong việc gieo trồng và phát triển của rau màu, khả năng cung ứng tăng và giá thành giảm, một số loại rau trồng vụ Đông đã cho thu hoạch sớm. Theo điều tra giá một số mặt hàng phổ biến tại chợ đầu mối, chợ dân sinh trên địa bàn phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh…, hầu hết giá các mặt hàng rau có xu hướng giảm: Rau cải các loại 20.000-25.000đ/ kg ; Rau thơm các loại trung bình 20.000-25.000đ/ kg; Bắp cải (vụ sớm) 20.000-25.000đ/ kg; Cà tím 15.000-20.000đ/ kg; Bí xanh quả 12.000-15.000đ/ kg (giảm 2.000đ/ kg so với tháng 8); Su su (ngọn) 20.000đ/ kg; Su su (quả) 25.000-30.000đ/ kg; Cà chua 20.000-35.000đ/ kg...

Dự báo: Trong thời gian tới, giá các loại rau màu tiếp tục có xu hướng giảm do thời tiết thuận lợi hơn, sản lượng và chủng loại rau màu cung cấp ra thị trường tăng.

1.1.3. Cây ăn quả

Hiện nay các địa phương trên địa bàn tỉnh vẫn đang tiếp tục tập trung chăm sóc, đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Luỹ kế đến thời điểm báo cáo, sản lượng thu hoạch một số loại cây ăn quả như sau:

- Chuối: Diện tích hiện có 298,07 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 5.004,25 tấn.

- Thanh long: Diện tích hiện có 32,51 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 124,17 tấn.

- Dứa: Diện tích hiện có 631,89 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 5.220,92 tấn.

- Cam: Diện tích hiện có 172,35 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 48,15 tấn.

- Bưởi: Diện tích hiện có 372,52 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 706,28 tấn.

- Nhãn: Diện tích hiện có 422,08 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 1.420,14 tấn.

Diễn biến giá cả: Theo điều tra giá tại chợ đầu mối: Mặt hàng quả tươi được cung cấp từ nguồn trồng trên địa bàn tỉnh và nhập ở các địa phương khác với đa dạng chủng loại, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng: Chanh leo 25.000đ/ kg; Mít 35.000-40.000đ/ kg; Na 50.000-60.000đ/ kg; Dưa hấu 15.000-20.000đ/ kg; Dưa lê 30.000đ/ kg; Dứa (tuỳ kích cỡ quả) 10.000-20.000đ/ kg; Ổi 20.000-40.000đ/ kg; Chanh quả tươi 25.000-30.000đ/ kg; Thanh Long 20.000-35.000đ/ kg; Bưởi Da xanh 50.000-75.000đ/ kg; Chuối 20.000-50.000đ/ nải (tuỳ kích cỡ)...

Dự báo: Trong thời gian tới, nguồn cung trên thị trường ổn định, giá các loại quả không có biến động lớn.

1.1.4. Ngô

Luỹ kế đến tháng 09, diện tích gieo trồng cây ngô đạt 24.204,21 ha, diện tích thu hoạch đạt 23.363,17 ha, năng suất thu hoạch đạt 30,99 tạ/ ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 72.399,92 tấn. Cụ thể trong tháng 9, diện tích gieo trồng đạt 281 ha, diện tích thu hoạch đạt 282,3 ha, năng suất thu hoạch đạt 44,95 tạ/ ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 1.268,94 tấn.

Diễn biến giá: Giá ngô hạt dùng trong chăn nuôi 6.000 - 7.000đ/ kg (không tăng so với tháng 8), ngô bắp tím 15.000đ/ kg, ngô ngọt 10.000đ/ bắp.

Dự báo: Trong thời gian tới, giá ngô ổn định, không biến động lớn.

1.1.5. Cây lấy hạt chứa dầu

Trong tháng 9, diện tích gieo trồng cây lấy hạt chứa dầu (lạc, đậu tương) trên địa bàn tỉnh đạt 186,4 ha, trong đó Lạc 88,4 ha, Đậu tương 98 ha. Diện tích thu hoạch đạt 127,58 ha, trong đó: Đậu tương 17,26 ha, năng suất thu hoạch đạt 14,15 tạ/ ha, sản lượng thu hoạch đạt 20,95 tấn; Lạc 110,32 ha, năng suất thu hoạch đạt 13,32 tạ/ ha, sản lượng thu hoạch đạt 156,1 tấn.

Diễn biến giá: Lạc nhân đỏ 65.000-80.000đ/ kg; Lạc nhân trắng 45.000-50.000đ/ kg; Đậu tương 14.000-30.000đ/ kg (tùy thuộc vào chất lượng và nhu cầu sử dụng cho chăn nuôi hay trong chế biến thực phẩm).

Dự báo: Trong thời gian tới, giá các loại hạt chứa dầu duy trì ổn định, không có biến động lớn.

1.1.6. Cây lấy củ chứa bột

Luỹ kế đến thời điểm báo cáo, diện tích gieo trồng cây lấy củ chứa bột trên địa bàn tỉnh đạt 17.276,96 ha, trong đó: diện tích gieo trồng khoai lang đạt 342,6 ha, diện tích thu hoạch đạt 224,98 ha, năng suất thu hoạch đạt 115,6 tạ/ ha, sản lượng ước đạt 2600,76 tấn; diện tích gieo trồng sắn đạt 15.783,3 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 152.114,74 tấn.

Diễn biến giá: Khoai lang 20.000-25.000đ/ kg; Khoai tây 25.000-30.000đ/ kg; Khoai sọ 15.000-25.000đ/ kg (tuỳ kích cỡ củ); Sắn tươi cao sản dùng trong chăn nuôi 1.300-1.800đ/ kg (tuỳ thuộc hàm lượng bột, thương lái và địa điểm thu mua).

Dự báo: Trong thời gian tới, giá các loại củ chứa bột duy trì ổn định, không biến động lớn.

1.2. Cây công nghiệp

Luỹ kế đến thời điểm báo cáo:

- Cây cà phê: Diện tích hiện có 8.082,13 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 720 tấn.

- Cây chè: Diện tích hiện có là 649,61 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 118,86 tấn.

- Cây cao su: Diện tích hiện có 5.018,76 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 3.621,27 tấn.

- Cây mắc ca: Diện tích hiện có 11.481,95 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 1.569,5 tấn.

- Cây sa nhân: Diện tích hiện có 1.559,57 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 79,52 tấn.

1.3. Sản phẩm chăn nuôi

1.3.1 Tình hình sản xuất, tiêu thụ

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh phát triển tương đối ổn định, ước tính số lượng đầu con gia súc, gia cầm trong tháng 9 như sau: Trâu

142.581 con; Bò 103.582 con; Lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ) 324.485 con; Gia cầm (gà, vịt, ngan…) 5.029,47 nghìn con, trong đó Gà 3.872,69 nghìn con.

Dự ước số đầu con và sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng 9 và so với cùng kỳ năm trước: Trâu 830 con (tăng 2,09%), sản lượng thịt ước đạt 235,94 tấn (tăng 4,12%); Bò 903 con (tăng 2,38%), sản lượng thịt ước đạt 190,7 tấn (tăng 4,13%); Lợn 22.389 con (tăng 4,01%), sản lượng thịt ước đạt 1.174,32 tấn (tăng 4,79%); Sản lượng thịt gia cầm ước đạt 417 tấn (tăng 3,33%), trứng gia cầm 7.417,07 nghìn quả (tăng 2,27%).

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Số con xuất chuồng và sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng do việc chăn thả đã dần chuyển sang nuôi nhốt tập trung, nuôi vỗ béo, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong sản xuất nông nghiệp phối trộn làm thức ăn để giảm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả trong chăn nuôi; ngoài ra, trên địa bàn tỉnh diễn ra nhiều hoạt động văn hoá lớn; nhu cầu tiêu thụ các loại sản phẩm nông nghiệp, phục vụ nhà hàng, quán ăn, đặc sản Tây Bắc làm quà biếu với số lượng lớn. tăng trọng lượng bình quân thịt hơi xuất chuồng trên con của đàn gia súc, gia cầm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận.

Tình hình thiệt hại do dịch bệnh: Trong tháng 9 có 3.764 con lợn bị chết và tiêu hủy do dịch tả lợn Châu Phi; không thực hiện công tác tiêm phòng; kiểm dịch động vật được 370 con gia súc, 638 kg thịt trâu bò xuất ngoài tỉnh; kiểm soát giết mổ được 5.661 con gia súc.

1.3.2 Diễn biến thị trường

Các sản phẩm thịt gia súc: Theo điều tra giá thực tế tại một số chợ dân sinh, chợ đầu mối trên địa bàn tỉnh: Thịt lợn hơi xuất chuồng 60.000-70.000đ/ kg, một kg thịt lợn tuỳ loại có giá dao động khoảng 120.000-150.000đ/ kg; thịt bò tuỳ loại dao động khoảng 150.000-250.000đ/ kg; thịt trâu tuỳ loại dao động khoảng 200.000-250.000đ/ kg. Dự báo: Trong thời gian tới, giá các sản phẩm thịt gia súc có giá ổn định.

Các sản phẩm gia cầm: Trong tháng 9, giá thịt gia cầm ổn định so với tháng trước. Cụ thể: Gà ri thả vườn nuôi trên 05 tháng dao động từ 120.000-150.000đ/ kg, tuỳ thuộc vào chất lượng thịt (giữ giá so với tháng 8); Gà hơi công nghiệp 70.000 đồng/kg (giữ giá so với tháng 8); Vịt 80.000-110.000đ/ kg (giữ giá so với tháng 8); Trứng gà dao động 2.500-5.000đ/ quả; Trứng vịt dao động 2.000-3.000đ/ quả. Dự báo: Trong thời gian tới, giá thịt gia cầm và giá trứng ổn định.

1.3.3. Sản phẩm thủy sản

Nuôi trồng và khai thác thuỷ sản trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, dự ước toàn tỉnh có 2.734,49 ha ao, hồ nuôi trồng thủy sản, giảm 0,37% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích nuôi cá 2.732,99 ha. Các mô hình nuôi cá lồng bè trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm, duy trì số lượng 335 lồng với thể tích 45.626 m^3. Tổng sản lượng thủy sản luỹ kế đến thời điểm báo cáo ước đạt 3.805,68 tấn (tăng 3,78% so với CKNT), trong đó: Cá đạt 3.697,82 tấn, tăng

3,83%; Tôm đạt 32,3 tấn, tăng 1,86%; Thuỷ sản khác đạt 75,56 tấn, tăng 2,33%. Cụ thể trong tháng 9, sản lượng thủy sản ước đạt 442,58 tấn (tăng 4,24% so với CKNT), trong đó: Cá đạt 433,08 tấn, tăng 4,28% ; tôm đạt 3,35 tấn, tăng 1,52%; thủy sản khác đạt 6,15 tấn, tăng 2,84%.

Tổng sản lượng thuỷ sản khai thác (thuỷ sản nội địa) luỹ kế đến thời điểm báo cáo ước đạt 225,41 tấn, tăng 2,95% so với CKNT, trong đó: Cá đạt 157,44 tấn; Tôm đạt 21,66 tấn; Thuỷ sản khác đạt 46,31 tấn.

Diễn biến giá các sản phẩm thủy sản ổn định: Cá rô phi 35.000-50.000đ/ kg; Cá chép 70.000-90.000đ/ kg; Tôm sông Đà 130.000đ/ kg.

Dự báo: Trong thời gian tới, giá thủy sản ổn định.

1.4. Phân bón

Trong tháng 9, giá một số mặt hàng phân bón trên địa bàn tỉnh giữ giá ổn định so với tháng 8. Cụ thể, phân NPK hiệu Đầu Trâu Bình Điền (loại 50kg/ bao): 7.849đ/ kg; phân Ure hiệu Bắc Hà (loại 50kg/ bao): 13.450đ/ kg; phân Lân nung chảy hiệu Lâm Thao (loại 50kg/ bao): 5.749đ/ kg; phân Kali hiệu Phú Mỹ (loại 50kg/ bao): 11.150đ/ kg; phân vi sinh hiệu Sông Gianh (loại 25kg/ bao): 9.749đ/ kg.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

Dự báo: Giá phân bón trong thời gian tới có thể tăng nhẹ do bối cảnh kinh tế chung làm tăng chi phí đầu vào.

2. Một số nhận định và dự báo

Đối với việc sản xuất các sản phẩm nông sản tiếp tục duy trì ổn định, đảm bảo theo kế hoạch phát triển sản xuất đề ra, không có những biến động quá lớn do nông dân đã chủ động kế hoạch sản xuất và tình hình dịch bệnh cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tiếp tục được kiểm soát tốt nên nông dân yên tâm sản xuất. Dự báo trong thời gian tới: giá thóc, gạo, giá các loại thịt gia súc, gia cầm, thuỷ sản ổn định, không có biến động lớn; giá rau màu có xu hướng giảm do khí hậu, thời tiết thuận lợi hơn, sản lượng và chủng loại cung cấp tăng.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản tháng 9 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên của Sở Nông nghiệp và Môi trường, kính gửi Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Giám đốc Sở (B/c);
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp, HTX lĩnh vực nông nghiệp;
- Văn phòng Sở (Đăng trên trang TTĐT);
- Chi cục Nông nghiệp;
- Lưu: VT, CCPTNTKTHT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Hồng Phong